

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 41/2018/HSST

Ngày: 17-10-2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Kim Nga.

2. Ông Nguyễn Tấn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 34/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: Trương Tấn S (Tên gọi khác: T), sinh năm 1990; tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Thôn A, xã EN, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Không; con ông Trương Đ và bà Lê Thị Thanh Th hiện đang cư trú tại Thôn A, xã EN, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 08/01/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo xử phạt 04 tháng 13 ngày tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 29/2009/HSST (đã được xóa án tích); ngày 21/7/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo xử phạt 01 năm tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 84/2009/HSST (đã được xóa án tích) và ngày 10/9/2010 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 05 năm tù giam về tội "Cướp giật tài sản" tại bản án số 221/2010/HSST (đã được xóa án tích). Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/01/2018, hiện đang tạm giam (có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của Tòa án:

Luật sư Lê Thị G, Văn phòng luật sư H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- *Người bị hại:*

Ông Lê Văn T1, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1983; cùng trú tại: Thôn B, xã EN, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk (ông T1 có mặt, bà Tiên vắng mặt).

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Hoài Th1, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn C, xã ER, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

2. Bà Lê Thị Thanh Th, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn A, xã EN, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

3. Bà Lê Thị Bích Đ1, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm BC, thôn ĐG, xã LĐ, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

4. Bà Trần Thị L, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn ĐN, xã LN, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

5. Bà Trương Thị Th2 (sinh năm 1984), địa chỉ: Thôn D, xã CM, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

6. Chị Phan Minh Th3, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn TP, xã SB, huyện SH, tỉnh Phú Yên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 11/7/2017, ông Lê Văn T1 thuê xe ô tô chở 9,4 tấn cà phê đi ký gửi tại Doanh nghiệp tư nhân “E” ở Thôn A, xã EN, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk do chị Lê Thị Th4 làm chủ. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, anh T1 về nhà thì phát hiện bị mất trộm 76,4 cây vàng (gồm 70 lượng vàng miếng, loại vàng 99,99 %, trọng lượng mỗi miếng 01 lượng, nhãn hiệu SJC, Thăng Long và một số nhãn hiệu khác; 05 miếng vàng lá hiệu Kim Thanh loại vàng 96 %, mỗi lá 01 lượng; 07 nhẫn tròn, mỗi nhẫn 02 chỉ, loại vàng 24 Kara) đựng trong túi vải và bỏ trong hộp nhựa, cất giấu tại ngăn tủ gỗ ở phòng khách; 01 con heo bằng nhựa bên trong có khoảng 2.000.000đ tiền tiết kiệm của cháu Lê Minh Đ2 là con anh trai T1. Ngay sau khi bị mất trộm tài sản, anh T1 đã báo sự việc cho cơ quan công an giải quyết.

Quá trình điều tra xác định:

Năm 2016, Trương Tấn S (sinh năm 1990) quen biết Đậu Bá Đ3 (sinh năm 1990), nơi cư trú: xã TL, huyện CL, tỉnh Hà Tĩnh và Nguyễn Thị Hoài Th1 (sinh năm 1973) rồi S chung sống với Th1 như vợ chồng tại nhà của Th1.

Sáng ngày 11/7/2017, S điều khiển xe mô tô chở Đ3 từ thị trấn EĐ, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk vào chợ Chư Ktây thuộc xã EK, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk chơi. Đến trưa cùng ngày cả hai ra về, khi về đến ngã ba Chư Ktây thì S và Đ3 gặp Th1 đang điều khiển xe mô tô đi mua chổi hột ở xã EK, huyện EH. Đ3, S và Th1 đi về hướng thị trấn EĐ, huyện EH, khi đi đến trước cổng nhà ông Lê Văn T1 (sinh năm 1981), ở Thôn B, xã EN, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk thì S, Đ3 thấy xe máy cày, xe ô tô chở nông sản chạy từ nhà anh T1 ra đường liên thôn. Lúc này, Đ3 nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của nhà anh T1 nên Đ3 nói S dừng xe để Đ3 vào nhà anh T1 lấy trộm tài sản thì S nói Th1 chạy xe ra khoảng hơn 01 km đứng đợi. Sau đó, Đ3 trèo rào rồi băng qua rẫy cà phê đi vào nhà anh T1 tìm tài sản trộm cắp, còn S đứng ở ngoài đường để cảnh giới. Khoảng 01 giờ sau, Đ3 đi ra cầm 01 bịch vải và nói với S đã trộm được tài sản của nhà anh T1, nhưng không nói rõ tài sản gì, rồi S điện thoại nói Th1 về trước, sau đó S điều khiển xe máy chở Đ3 đi về nhà Th1. Tại nhà của Th1, Đ3 chia cho S 02 nhẫn vàng, mỗi nhẫn 02 chỉ và Đ3 cho Th1 02 nhẫn vàng, mỗi nhẫn 02 chỉ. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Đ3 gọi S ra rừng Thông cạnh trường tiểu học thuộc xã ER, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk, tại đây Đ3 tiếp tục chia cho S 30 thẻ vàng, mỗi thẻ 01 lượng và đưa cho S 08 thẻ vàng, mỗi thẻ 01 lượng nói S cầm về cho Th1. Tổng cộng Đ3 chia cho S 30,4 lượng vàng, cho Th1 8,4 lượng vàng. Số vàng S được chia, S đã bán tại địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và thành phố VT, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (S không nhớ địa điểm cụ thể) được số tiền 897.000.000đ. Sau đó, S cho mẹ đẻ là bà Lê Thị Thanh Th số tiền 100.000.000đ; Đưa chị gái là Trương Thị Th2 mượn số tiền 50.000.000đ; Gửi cho bà Trần Thị L (là em dâu bà Th) số tiền 180.000.000đ; Gửi cho bà Lê Thị Bích Đ1 (là em gái bà Th) số tiền 200.000.000đ. Sau đó, S lấy lại tiền nên bà L đã chuyển trả lại cho S số tiền 180.000.000đ thông qua hình thức chuyển khoản, trong đó S nhờ tài khoản của chị Phan Minh Th3 (sinh năm 1995), trú tại Thôn TP, xã SB, huyện SH, tỉnh Phú Yên để bà L gửi cho S 80.000.000đ, khi nhận được tiền thì S cho chị Th3 số tiền 5.000.000đ; Còn chị Đ1 cũng chuyển trả lại cho S số tiền 200.000.000đ, trong đó có 195.000.000đ thông qua chuyển khoản và gửi 5.000.000đ cho bà Th để gửi lại cho S. Hiện S đã tiêu xài hết số tiền bán vàng nêu trên.

Ngoài thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà ông Lê Văn T1, S còn thực hiện hành vi tàng trữ, sử dụng, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng. Nội dung sự việc phạm tội như sau:

Khoảng giữa năm 2016, S quen biết người tên T3 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) cư trú tại tỉnh Thái Nguyên. Đến khoảng đầu năm 2017, S cùng ở phòng trọ với T3 tại thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên (S không nhớ địa chỉ) thì S thấy Tuyên có một khẩu súng bằng kim loại, ký hiệu S&W 800 MAGNUM và 05 viên đạn nên S hỏi mua. T3 đồng ý và đã bán khẩu súng, đạn trên cho S với giá 3.000.000đ. Sau khi mua, S sử dụng bắn thử 01 viên đạn, còn 04 viên đạn và khẩu súng S mang về huyện Ea H'leo cất giấu. Đến khoảng cuối năm 2017, S quen biết Lê Thị Kim Ng (sinh năm 1990), trú tại Ấp F, xã LN, huyện LM, tỉnh Hậu Giang, làm nghề Massage tại cơ sở “Massage HA”, ở thị trấn ED, huyện EH, rồi S cùng với Ng đến thành phố VT, tỉnh Hậu Giang thuê trọ ở với nhau như vợ chồng và khi đi S đem theo khẩu súng cùng 04 viên đạn nói trên. Tại đây, S tiếp tục bắn thử 02 viên đạn, còn 02 viên đạn và khẩu súng S bỏ vào túi xách cất tại phòng trọ. Ngày 25/01/2018, S bỏ khẩu súng, đạn trong túi xách rồi cùng với Ng đi xe khách từ thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang về huyện EH, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 26/01/2018, khi S đi đến địa bàn thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã bắt giữ S và thu giữ khẩu súng, đạn trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 179/KLĐG-STC, ngày 25/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Giá trị 70 cây vàng miếng, loại 99,99 %, mỗi miếng một lượng theo giá thị trường vào thời điểm ngày 11/7/2017 là 2.348.500.000đ; giá trị 05 miếng vàng lá, loại 96%, mỗi miếng một lượng theo giá thị trường vào thời điểm ngày 11/7/2017 là: 150.975.000đ; giá trị 07 nhẫn tròn, loại vàng 24K. mỗi nhẫn hai chỉ theo giá thị trường vào thời điểm ngày 11/7/2017 là: 46.480.000đ. Tổng giá trị các tài sản trên là 2.545.955.000đ.

Tại Bản Kết luận giám định số 74/GĐĐV-PC54, ngày 09/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Các dấu đường vân thu tại hiện trường trên cánh tủ, ảnh, con heo nhựa trùng khớp với dấu vân tay in trên Chỉ bản số 1511. của Đậu Bá Đ3, sinh ngày 18/3/1992; HKTT: xã TL, huyện CL, tỉnh Hà Tĩnh, lập ngày 04/10/2009 tại Công an huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

Tại Bản Kết luận giám định số 769/C54B, ngày 27/01/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, Kết luận: Khẩu súng có chữ và số S&W800 MAGNUM là loại súng đồ chơi nguy hiểm, không xác định nước và năm sản xuất, được thay đổi nòng súng, kim hỏa bắn được đạn 5,6mm x 15,6mm, có tính năng tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng. Hai viên đạn không rõ nước sản xuất, dạng đạn thể thao, cỡ 5,6mm x 15,6mm (quá trình giám định C54 Bộ Công an đã bắn thực nghiệm 01 viên).

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã tạm giữ các đồ vật, tài liệu sau:

- Ngày 11/7/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk khám nghiệm hiện trường thu giữ 01 (một) mảnh kim loại hình thang có kích thước (6,5 x 3,8 x 1,2)cm; 01 (một) vỏ bọc gỏi bằng vải có kích thước (40 x 33)cm, màu xanh in hình hoa; 01 (một) miếng nhựa màu trắng đục, kích thước (20 x 13)cm.

- Ngày 14/7/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk tạm giữ 01 con heo bằng nhựa có kích thước (20 x 15 x 10)cm.

- Ngày 26/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk tạm giữ 01 khẩu súng bằng kim loại, ký hiệu S&W 800 MAGNUM và 02 viên đạn.

- Ngày 09/4/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk tạm giữ số tiền 5.000.000đ, do chị Phan Minh Th3, sinh năm 1995, trú tại Thôn TP, xã SB, huyện SH, tỉnh Phú Yên giao nộp.

- Ngày 30/3/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk tạm giữ số tiền 5.000.000đ, do bà Lê Thị Thanh Th, sinh năm 1964, trú tại Thôn A, xã EN, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk giao nộp. Đây là số tiền chị Lê Thị Bích Đ1 đưa cho bà Th để gửi lại cho bị cáo S.

- Ngày 08/5/2018 và ngày 07/6/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk tạm giữ số tiền 15.000.000đ do bà Lê Thị Thanh Th giao nộp. Đây là một phần trong số tiền bị cáo S cho bà Th.

* Việc xử lý vật chứng

Ngày 15/6/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 50, tiến hành trao trả cho ông Lê Văn T1 số tiền 25.000.000đ.

Về phần dân sự của vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật TTHS năm 2015; Điều 587, 589 Bộ luật dân sự 2015.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng Trả lại cho ông Lê Văn T1 số tiền 25.000.000đ (thu được của bà Lê Thị Thanh Th và chị Phan Minh Th3 giao nộp).

- Yêu cầu bị cáo Trương Tấn S phải bồi thường cho gia đình ông Lê Văn T1 tài sản đã trộm cắp là 2.545.955.000đ, được khấu trừ số tiền đã thu hồi của bị cáo.

Trong vụ án này, bị cáo Đậu Bá Đ3sau khi gây án đã bỏ trốn. Ngày 26/02/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định truy nã số 08 đối với Đ3. Ngày 05/4/2018, Văn phòng Interpol - Việt Nam ra Lệnh truy nã quốc tế số A-3556/4-2018 đối với bị cáo Đậu Bá Đ3, nhưng đến nay chưa bắt được. Ngày 22/6/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định số 02 tách vụ án hình

sự Trộm cắp tài sản, Quyết định số 07 tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự, Quyết định số 03 tạm đình chỉ điều tra bị cáo đối với Đậu Bá Đ3 về tội Trộm cắp tài sản, khi nào bắt được bị cáo Đ3 sẽ xử lý sau.

Ngày 06/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định đình chỉ vụ án số 01/QĐ-VKS-P2 đình chỉ vụ án hình sự, miễn trách nhiệm hình sự đối với Trương Tấn S về hành vi “Tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

Bản cáo trạng số 35/CT-VKS-P2 ngày 06/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Trương Tấn S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Trương Tấn S khai: Bị cáo không thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 11/7/2017 cùng với Đậu Bá Đ3 như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Đồng thời, trong quá trình điều tra bị cáo bị đánh đập, ép cung nên ban đầu bị cáo đã nhận tội.

Quá trình điều tra người bị hại ông Lê Văn T1 yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, yêu cầu bị cáo Trương Tấn S phải tiếp tục bồi thường cho ông T1 số tiền **2.520.955.000đ** (Hai tỷ, năm trăm hai mươi triệu, chín trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo đồng thời giữ nguyên Cáo trạng số 35/CT-VKS-P2 ngày 06/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Tấn S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015, xử phạt bị cáo Trương Tấn S từ 16 đến 17 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trương Tấn S phải bồi thường cho ông Lê Văn T1 số tiền 2.545.955.000đ, được khấu trừ số tiền đã thu hồi được là 25.000.000đ. Tổng số tiền còn lại mà bị cáo S còn phải bồi thường cho ông Lê Văn T1 là **2.520.955.000đ** (Hai tỷ, năm trăm hai mươi triệu, chín trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

Về vật chứng vụ án:

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 50 ngày 15/6/2018, tiến hành trao trả cho ông Lê Văn T1 số tiền 25.000.000 đồng là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản trên.

Chấp nhận quyết định nhập vũ khí, trang bị kỹ thuật số 100/QĐ-BCH ngày 10/8/2018 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk nhập kho 01 khẩu súng bằng kim loại, ký hiệu S&W 800 MAGNUM, 01 viên đạn, 01 vỏ đạn (bắn thử trong quá trình trưng

cầu giám định) có đặc điểm như biên bản giao nhận đạn dược và biên bản bàn giao súng pháo khí tài ngày ngày 14/8/2018.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) mảnh kim loại hình thang có kích thước (6,5 x 3,8 x 1,2) cm; 01 (một) vỏ bọc gói bằng vải có kích thước (40 x 33) cm, màu xanh in hình hoa; 01 (một) miếng nhựa màu trắng đục, kích thước (20 x 13)cm; 01 con heo bằng nhựa có kích thước (20 x 15 x 10)cm (có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/8/2018) là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm Luật sư bào chữa cho bị cáo Trương Tấn S cho rằng: Cơ quan điều tra chỉ chứng minh được bà Nguyễn Thị Hoài Th1 nhìn thấy bị cáo S và Đậu Bá Đ3 đưa ra 06 nhẫn tròn (loại 02 chỉ) và 08 miếng vàng chứ không chứng minh được Th1 nhìn thấy toàn bộ số vàng mà bị hại đã khai là bị mất. Đồng thời, bị hại là ông Lê Văn T1 không chứng minh được mình có tổng số vàng là 76,4 cây vàng như đã khai ở cơ quan điều tra. Do đó, không có đủ căn cứ để buộc tội bị cáo S. Đề nghị HĐXX trả hồ sơ điều tra bổ sung.

Viện kiểm sát tranh luận: Số vàng mà ông T1 khai bị mất đã được thẩm tra, xác minh tại quá trình điều tra, qua kết quả xác minh đã có đủ căn cứ để xác định ông T1 có số vàng như đã khai ở cơ quan điều tra. Đồng thời, tại lời khai ban đầu của bị cáo ở Cơ quan điều tra bị cáo đã khai bị cáo được Đậu Bá Đ3 chia 30,4 lượng và bị cáo đã nhiều lần bán vàng ở thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Bà Rịa – Vũng tàu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của Th1, ông T1. Đồng thời, bị cáo là người có quan hệ với Đậu Bá Đ3 và ngày 11/7/2017 bị cáo đi cùng với Đậu Bá Đ3, trong khi đó tại hiện trường vụ trộm cắp đã xác định được các dấu vân tay của Đậu Bá Đ3. Vì vậy, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì thêm mà chỉ đề nghị HĐXX tuyên bị cáo không phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo xác định trong quá trình điều tra bị cáo bị đánh đập, ép cung, tất cả các lời khai nhận tội của bị cáo đều được cơ quan Công an mớm cung. Tuy nhiên, tại quá trình điều tra và kết luận điều tra bị cáo không có đơn khiếu nại gì về các quyết định và hành vi tố tụng của cơ quan điều tra, tại phiên tòa hôm nay bị cáo không cung cấp được các tài liệu chứng cứ để chứng minh tại quá trình điều tra bị cáo bị đánh đập, ép cung, dùng nhục hình. Vì vậy, về hình thức và nội dung của các

quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan điều tra và Viện kiểm sát là đúng pháp luật, lời khai cho rằng bị cáo “bị bức cung” là không có căn cứ để chấp nhận.

[2] Bị cáo cho rằng bị cáo không thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Lê Văn T1 vào ngày 11/7/2017. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 27/01/2018 (bút lục 112), các biên bản hỏi cung bị cáo tại các bút lục 119, 120, 122, 123, 124, 135, 136, 145 và 149 S đều khai vào khoảng gần trưa ngày 11/7/2017 S cùng Đ3, Th1 có thực hiện một vụ trộm cắp tài sản ở một nhà dân tại khu vực Thôn B, xã EN, huyện EH, sau khi trộm cắp S được Đ3 chia cho 30,4 lượng vàng (trong đó có 30 miếng vàng, mỗi miếng 01 lượng vàng và 02 nhẫn vàng, mỗi nhẫn 02 chỉ). Đồng thời, S cùng với bà Th (mẹ ruột của S) đều khẳng định S bị nghiện ma túy, sống lang thang không có nghề nghiệp, không có tài sản gì (bút lục 105, 106) nhưng trong khoảng tháng 7 đến tháng 8 năm 2017 S đã nhiều lần bán vàng ở thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Bà Rịa – Vũng Tàu được tổng số tiền là 897.000.000đ, sau đó S đã cho mẹ 100.000.000đ, cho chị gái mượn 50.000.000đ và gửi bà Trần Thị L 180.000.000đ, gửi cho bà Lê Thị Bích Đ1 200.000.000đ (Bút lục 127, 128, 140, 393, từ 428 đến 444). Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Hoài Th1 người sống chung như vợ chồng với S vào thời điểm tháng 7/2017 cũng khẳng định vào khoảng 9 đến 10 giờ ngày 11/7/2017 sau khi đi mua chuối hột về đến ngã ba chợ Chư Ktây thì Th1 gặp S và Đ3, cả 3 cùng về nhà đến ngã ba Buôn Đung tại khu vực địa bàn thôn B, xã EN thì Đ3 và S bảo Th1 về trước, đến khoảng 13 giờ thì S và Đ3 về nhà Th1 ở đây Đ3 và S có bày ra 06 nhẫn vàng (loại 02 chỉ), sau đó Đ3 và S chia nhau mỗi người 02 chỉ và đưa cho Th1 02 nhẫn nhưng Th1 không lấy. Đến 20 giờ ngày 11/7/2017 thì S bày ra 08 miếng vàng hình chữ nhật, được bọc một lớp nhựa lỵnon ở ngoài nhìn có vẻ đã cũ, S tỏ ý muốn cho Th1 số vàng trên nhưng Th1 cũng không lấy (từ bút lục 301 đến bút lục 329). Trong khi đó, tại Bản Kết luận giám định số 74/GĐĐV-PC54, ngày 09/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: Các dấu đường vân thu tại hiện trường trên cánh tử, ảnh, con heo nhựa trùng khớp với dấu vân tay in trên Chỉ bản số 1511 của Đậu Bá Đ3, sinh ngày 18/3/1992; HKTT: xã TL, huyện CL, tỉnh Hà Tĩnh, lập ngày 04/10/2009 tại Công an huyện Ea H’Leo, tỉnh Đắk Lắk. Do đó, lời khai nhận tội của bị cáo S tại các bút lục từ 112 đến 119 là đúng sự thật bởi vì cơ bản là phù hợp với lời khai của người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Việc bị cáo thay đổi lời khai cho rằng mình không phạm tội là không phù hợp với sự thật khách quan của vụ án. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo lời khai ban đầu là phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan và phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án

Xét quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

Xét quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng chưa đủ căn cứ để buộc tội bị cáo là không có cơ sở để chấp nhận. Việc chối tội của bị cáo so với lời khai ban đầu là không phù hợp với thực tế khách quan của vụ án nên không có căn cứ để chấp nhận.

Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 12h00' ngày 11/7/2017, Trương Tấn S và Đậu Bá Đ3 nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của nhà anh T1 nên Đ3 nói S dừng xe để Đ3 vào nhà anh T1 lấy trộm tài sản. Sau đó, Đ3 trèo rào rồi băng qua rẫy cà phê, đột nhập vào nhà gia đình ông Lê Văn T1 trộm cắp số tài sản là: 76,4 cây vàng (gồm 70 lượng vàng miếng, loại vàng 99,99%, trọng lượng mỗi miếng 01 lượng, nhãn hiệu SJC, Thăng Long và một số nhãn hiệu khác; 05 miếng vàng lá hiệu Kim Thanh, loại vàng 96%, mỗi lá 01 lượng; 07 nhẫn tròn, mỗi nhẫn 02 chỉ, loại vàng 24 Kara) có tổng giá trị là 2.545.955.000đ. Do đó, hành vi của bị cáo Trương Tấn S đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự .

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ hoặc dưới 2.000.000đ nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000đ trở lên;”

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng đã xâm phạm đến quyền về tài sản của công dân; đồng thời gây mất trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Bị cáo biết rõ tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều bị trừng trị. Song, với ý thức coi thường pháp luật, vì động cơ tư lợi cá nhân mà vào ngày 11/7/2017 bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng giá trị là 2.545.955.000đ. Bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng định khung là “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000đ trở lên” và không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào. Bản thân bị cáo là người nghiện ma túy và có nhân thân xấu đã 03 lần phạm tội và bị xử phạt nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, điều này cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo kém, cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[2] Ngoài hành vi cùng đồng bọn trộm cắp tài sản nêu trên, bị cáo Trương Tấn S còn có hành vi “Tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”. Theo quy định tại Pháp lệnh số 16/2011/UBTVQH12 ngày 30/6/2011 của UBTVQH Khóa 12 về quản lý, sử dụng vũ khí vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ thì hành vi trên của Trương Tấn S đã phạm vào Khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuy nhiên, ngày 01/7/2018, Luật số 14/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14 về quản lý, sử dụng vũ khí vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ có hiệu lực thi hành thay thế Pháp lệnh số 16/2011/UBTVQH12. Theo quy định của Luật số 14/2017/QH14 thì hành vi của Trương Tấn S sẽ không bị xử lý về tội “Tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại Khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự năm 2015. Do có sự thay đổi chính sách pháp luật làm cho hành vi “Tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” của Trương Tấn S không còn nguy hiểm cho xã hội nữa. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đình chỉ vụ án hình sự theo điểm a khoản 1 Điều 29 Bộ Luật hình sự năm 2015 đối với Trương Tấn S về hành vi “Tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” là đúng quy định của pháp luật.

[3] Đối với Nguyễn Thị Hoài Th1: Quá trình điều tra vụ án, bị cáo Trương Tấn S khai sau khi trộm cắp được tài sản của ông Lê Văn T1 thì bị cáo S, bị cáo Đ3 cho Th1 8,4 lượng vàng, nhưng Th1 không thừa nhận mà trình bày là bị cáo Đ3, bị cáo S có đưa cho Th1 02 nhẫn vàng nói là để trả tiền công giặt đồ, nấu ăn nhưng Th1 không lấy và thấy S có đưa ra 08 thẻ vàng rồi S đã cất giấu số vàng trên ở đâu thì Th1 không biết. Ngoài lời khai của bị cáo S, hiện không có tài liệu, chứng cứ khác nên chưa đủ căn cứ xác định vai trò của Th1 trong vụ án. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk tách hành vi của Th1, khi nào bắt được bị cáo Đ3, nếu có căn cứ thì xử lý theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với hành vi của bà Lê Thị Thanh Th và Trương Thị Th2: Sau khi bị cáo Trương Tấn S trộm cắp tài sản của ông Lê Văn T1 thì có cho bà Lê Thị Thanh Th số tiền 100.000.000đ và cho chị Trương Thị Th2 mượn số tiền 50.000.000đ, bà Th và chị Thảo không biết số tiền này do bị cáo S trộm cắp mà có nên hành vi của bà Th và chị Thảo không có dấu hiệu của tội phạm nên Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk không đề cập xử lý là phù hợp.

[5] Đối với bà Lê Thị Bích Đ1 và Trần Thị L là người được bị cáo Trương Tấn S gửi giữ giùm tiền cho S, sau đó S đã lấy lại. Nhưng khi bị cáo S gửi tiền không nói cho bà Đào và bà L biết số tiền đó do S phạm tội mà có. Do đó Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk không đề cập xử lý là có căn cứ.

[6] Đối với chị Phan Minh Th3: Khi Trương Tấn S cùng với một người nữ giới (chưa rõ nhân thân lai lịch) đi đến tỉnh Phú Yên, tại đây S đã nhờ số tài khoản của chị Th3 để bà

L chuyển tiền cho S. Nhưng S không nói cho chị Th3 biết và chị Th3 cũng không biết được số tiền đó do S phạm tội mà có. Vì vậy, Do đó Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk không đề cập sử lý là có cơ sở.

[7] Tại phiên tòa hôm nay ông Lê Văn T1 khai ngoài bị mất 76,4 cây vàng như đã nêu trên, còn bị mất số tiền khoảng 2.000.000đ tiền tiết kiệm của cháu Lê Minh Đ2 bỏ trong heo đất. Do chưa bắt được bị cáo Đậu Bá Đ3 là đối tượng trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nên chưa làm rõ được việc bị cáo Đ3 đã chia, giữ lại số lượng bao nhiêu vàng và có chiếm đoạt số tiền 2.000.000đ của cháu Đ2 hay không. Vì vậy, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk không đề cập xử lý đối với số tiền 2.000.000đ của cháu Đ3 là phù hợp

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.545.955.000đ là số tiền mà bị cáo S đã chiếm đoạt của người bị hại nên yêu cầu trên của người bị hại là có căn cứ, cần chấp nhận.

[9] Về vật chứng:

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 50 ngày 15/6/2018, tiến hành trao trả cho ông Lê Văn T1 số tiền 25.000.000 đồng là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản trên.

Chấp nhận quyết định nhập vũ khí, trang bị kỹ thuật số 100/QĐ-BCH ngày 10/8/2018 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk nhập kho 01 khẩu súng bằng kim loại, ký hiệu S&W 800 MAGNUM, 01 viên đạn, 01 vỏ đạn (bắn thử trong quá trình trưng cầu giám định) có đặc điểm như biên bản giao nhận đạn dược và biên bản bàn giao súng pháo khí tài ngày ngày 14/8/2018.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) mảnh kim loại hình thang có kích thước (6,5 x 3,8 x 1,2) cm; 01 (một) vỏ bọc gối bằng vải có kích thước (40 x 33) cm, màu xanh in hình hoa; 01 (một) miếng nhựa màu trắng đục, kích thước (20 x 13)cm; 01 con heo bằng nhựa có kích thước (20 x 15 x 10)cm (có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/8/2018) là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng.

[10] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 21, điểm a, c Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo S phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự là: $[72.000.000đ + 2\%(2.545.955.000 - 2.000.000.000)] = 82.919.100đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trương Tấn S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

[1] Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trương Tấn S 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 27/01/2018.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 106 Bộ luật TTHS năm 2015; Điều 587, 589 Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo Trương Tấn S phải bồi thường cho gia đình ông Lê Văn T1 tài sản trộm cắp có giá trị bằng tiền là 2.545.955.000đ, được khấu trừ số tiền 25.000.000đ đã thu hồi của bị cáo. Bị cáo Trương Tấn S còn phải trả cho gia đình ông Lê Văn T1 số tiền 2.520.955.000đ (Hai tỷ, năm trăm bốn mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 để tính lãi suất khi thi hành án khi đương sự có yêu cầu.

[4] Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk trả cho ông Lê Văn T1 số tiền 25.000.000 đồng.

Chấp nhận nhập kho 01 khẩu súng bằng kim loại, ký hiệu S&W 800 MAGNUM, 01 viên đạn, 01 vỏ đạn (bắn thử trong quá trình trưng cầu giám định) có đặc điểm như biên bản giao nhận đạn dược và biên bản bàn giao súng pháo khí tài ngày ngày 14/8/2018 vào kho của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) mảnh kim loại hình thang có kích thước (6,5 x 3,8 x 1,2) cm; 01 (một) vỏ bọc gối bằng vải có kích thước (40 x 33) cm, màu xanh in hình hoa; 01 (một) miếng nhựa màu trắng đục, kích thước (20 x 13)cm; 01 con heo bằng nhựa có kích thước (20 x 15 x 10)cm (có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/8/2018).

[5] Về án phí:

Bị cáo Trương Tấn S phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự là 82.919.100đ.

[6] Quyền kháng cáo:

Bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao tại Hà Nội;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh;
- Phòng HSNV Công an tỉnh;
- Cơ quan THA hình sự Công an tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Đương sự;
-;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Triết